

Bản án số: 25/2021/KDTM - ST

Ngày: 06/10/2021

V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng, hợp đồng thế chấp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Trần Huy Long

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Đâu và ông Nguyễn Công Thâm

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Vào ngày 06/10/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 03/2021/TLST - KDTM ngày 07/01/2021 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32 ngày 06/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A; Địa chỉ trụ sở: Phường 5, Quận 3, Thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T; Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân K; Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ: Số 37A, đường Q, phường T, thành phố V, tỉnh N. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1959 và bà Lê Thị Hoài T, sinh năm 1965; Nơi ĐKKHKT: Khối V, phường H, thành phố V, tỉnh N; Chỗ ở hiện nay: xóm 18, xã P, thành phố V, tỉnh N; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, Người đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn trình bày:

1. Ngân hàng TMCP A ký hợp đồng cấp tín dụng cho ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T căn cứ theo: Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số CHV.CN.518.190717 ngày 20/7/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số CHV.CN.989.090120 ngày 14/01/2020; Phụ lục hợp đồng số CHV.CN.989.090120/PL01 ngày 14/01/2020. Chi tiết hợp đồng như sau: Hạn mức tín dụng/cho vay: 2.150.000.000 (Hai tỷ, một trăm năm mươi triệu) đồng; Mục đích

cho vay: Sản xuất kinh doanh – Bổ sung vốn lưu động – Bổ sung vốn kinh doanh hàng tạp hóa, phân phối nước giải khát; Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng; Thời hạn hiệu lực HMTD: 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng (14/01/2020); Thời hạn cho vay: Được ghi trên mỗi Khế ước nhận nợ, nhưng tối đa không quá 09 tháng, kể từ ngày kế tiếp của ngày giải ngân; Lãi suất cho vay: Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm;

Ngân hàng đã giải ngân cho ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T bằng các Khế ước nhận nợ sau:

Khế ước nhận nợ số 300609149 ngày 14/01/2020; Số tiền giải ngân: 900.000.000 đồng; Thời hạn: 09 tháng (Từ ngày 15/01/2020 đến ngày 14/10/2020).

Khế ước nhận nợ số 300966639 ngày 17/01/2020; Số tiền giải ngân: 1.250.000.000 đồng; Thời hạn: 09 tháng: (Từ ngày 18/01/2020 đến ngày 17/10/2020).

Phương thức giải ngân của 02 khế ước nhận nợ: Chuyển toàn bộ số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 230708019 của bà Lê Thị Hoài T tại Ngân hàng TMCP A; Lãi suất: 9,50%/năm (Một năm được tính là 365 ngày); Lãi suất được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay; Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất LS13 + 3,0%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng: Đến ngày đáo hạn của các Khế ước nhận nợ nêu trên (ngày 14 và 17/10/2020) nhưng ông Trần Văn S, bà Lê Thị Hoài T không trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP A. Do đó, kể từ ngày kế tiếp của ngày đáo hạn (ngày 15 và 18/10/2020), Ngân hàng TMCP A đã chuyển toàn bộ khoản vay chưa thanh toán của các Khế ước nhận nợ nêu trên sang nợ quá hạn.

Ngày 20/01/2021, bà Lê Thị Hoài T thanh toán cho Ngân hàng TMCP A toàn bộ nợ gốc theo khế ước nhận nợ số 300966639 là 1.250.000.000 đồng.

- Tính đến ngày 06/10/2021, ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T còn nợ Ngân hàng các khoản sau đây:

Khế ước nhận nợ số 300609149 ngày 14/01/2020: Nợ gốc: 10.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 24.867.123 đồng; Lãi quá hạn: 57.527.096 đồng; Phạt chậm trả lãi 2.557.341 đồng; Tổng cộng 94.951.560 đồng.

Khế ước nhận nợ số 300966639 ngày 17/01/2020: Nợ gốc: 0 đồng; Lãi trong hạn: 35.626.712 đồng; Lãi quá hạn: 50.758.562 đồng; Phạt chậm trả lãi 3.567.869 đồng; Tổng cộng: 89.953.143 đồng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay là: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 467, tờ bản đồ số 35, địa chỉ: Xóm 18, xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An được UBND thành phố Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 592187 ngày 01/11/2011 cho bà Lê Thị Hoài T, vào sổ cấp GCN số: CH 13324/số 8290-QĐUBND (2011). Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số CHV.BĐCN.668.170117 được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Nghệ An ngày 18/01/2017, số công chứng 261; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Vinh ngày 18/01/2017, số thứ tự 000689, quyền số 01 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số CHV.BĐCN.668.170117/SĐBS-01 ngày 19/7/2017 được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Nghệ An ngày 19/7/2017, số công chứng 2275.

Hiện nay, Ngân hàng yêu cầu: 1. Buộc Ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi, phạt cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/10/2021 là 184.904.703 đồng và toàn bộ số tiền lãi, phạt phát sinh đến ngày ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T thực trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết.

2. Trường hợp nếu ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T không trả hoặc không trả đủ số nợ trên thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bán tài sản bảo đảm tiền vay để trả nợ gồm: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 467, tờ bản đồ số 35, địa chỉ: Xóm 18, xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An được UBND thành phố Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 592187 ngày 01/11/2011 cho bà Lê Thị Hoài T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T không đến làm việc theo yêu cầu của Tòa án và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử còn chậm.

Về phần nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng: Buộc ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ tạm tính đến ngày 06/10/2021, là 184.904.703 đồng; Trong đó nợ gốc: 10.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 60.493.836 đồng; Lãi quá hạn: 108.285.658 đồng; Phạt chậm trả lãi: 6.125.210 đồng;

Nếu ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T không trả hoặc không trả đủ số nợ trên thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bán tài sản bảo đảm tiền vay để trả nợ gồm: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 467, tờ bản đồ số 35, địa chỉ: Xóm 18, xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An được UBND thành phố Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 592187 ngày 01/11/2011 cho bà Lê Thị Hoài T.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP A với mục đích kinh doanh. Đến nay, ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T đã vi phạm cam kết trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T trả nợ, nếu không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp để trả nợ nên Toà án thụ lý vụ án KDTM để xem xét.

Bị đơn là ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử vẫn đưa vụ án ra xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về yêu cầu thanh toán nợ:

Ngân hàng TMCP A ký hợp đồng cấp tín dụng cho ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T căn cứ theo: Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số CHV.CN.518.190717 ngày 20/7/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số CHV.CN.989.090120 ngày 14/01/2020; Phụ lục hợp đồng số CHV.CN.989.090120/PL01 ngày 14/01/2020. Chi tiết hợp đồng như sau: Hạn mức tín dụng/cho vay: 2.150.000.000 đồng; Mục đích cho vay: Sản xuất kinh doanh – Bổ sung vốn lưu động – Bổ sung vốn kinh doanh hàng tạp hóa, phân phối nước giải khát; Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng; Thời hạn hiệu lực HMTD: 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng (14/01/2020); Thời hạn cho vay: Được ghi trên mỗi Khế ước nhận nợ, nhưng tối đa không quá 09 tháng, kể từ ngày kế tiếp của ngày giải ngân; Lãi suất cho vay: Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm;

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T đã vi phạm cam kết trong hợp đồng tín dụng. Hiện nay, Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T trả nợ là có căn cứ nên cần chấp nhận để xem xét, cụ thể như sau:

[2.1.1]. Khế ước nhận nợ số 300609149 ngày 14/01/2020; Số tiền giải ngân: 900.000.000 đồng; Thời hạn: 09 tháng (Từ ngày 15/01/2020 đến ngày 14/10/2020); Lãi suất: 9,50%/năm (Một năm được tính là 365 ngày); Lãi suất được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay; Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất LS13 + 3,0%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T mới thanh toán 934.098.134 đồng (Trong đó tiền nợ gốc là 890.000.000 đồng, nợ lãi là

44.046.493 đồng và phạt chậm trả lãi là 51.641 đồng). Hiện nay còn nợ 94.951.560 đồng; Trong đó: Nợ gốc là 10.000.000 đồng; Lãi trong hạn là 24.867.123 đồng; Lãi quá hạn là 57.527.096 đồng; Phạt chậm trả lãi là 2.557.341 đồng;

[2.1.2]. Khế ước nhận nợ số 300966639 ngày 17/01/2020; Số tiền giải ngân: 1.250.000.000 đồng; Thời hạn: 09 tháng: (Từ ngày 18/01/2020 đến ngày 17/10/2020); Lãi suất: 9,50%/năm (Một năm được tính là 365 ngày); Lãi suất được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay; Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất LS13 + 3,0%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T mới thanh toán 1.310.162.194 đồng (Trong đó tiền nợ gốc là 1.250.000.000 đồng, nợ lãi là 60.061.644 đồng và phạt chậm trả lãi là 100.550 đồng). Hiện nay còn nợ 89.953.143 đồng; Trong đó: Nợ gốc: 0 đồng; Lãi trong hạn: 35.626.712 đồng; Lãi quá hạn: 50.758.562 đồng; Phạt chậm trả lãi 3.567.869 đồng;

[2.2]. Hiện nay, Ngân hàng TMCP A yêu cầu ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T trả số tiền nợ tính đến ngày 06/10/2021 tổng cộng là 184.904.703 đồng; Trong đó nợ gốc: 10.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 60.493.836 đồng; Lãi quá hạn: 108.285.658 đồng; Phạt chậm trả lãi: 6.125.210 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ký kết hợp đồng đối với phần hợp đồng tín dụng là đúng quy định của pháp luật vì vậy có thể chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T phải trả nợ số tiền trên cho Ngân hàng.

Ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T còn tiếp tục phải chịu lãi suất tương ứng đối với số tiền chưa thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[2.3]. Về tài sản bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng gồm: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 467, tờ bản đồ số 35, địa chỉ: Xóm 18, xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An được UBND thành phố Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 592187 ngày 01/11/2011 cho bà Lê Thị Hoài T. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số CHV.BĐCN.668.170117 được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Nghệ An ngày 18/01/2017, số công chứng 261; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Vinh ngày 18/01/2017, số thứ tự 000689, quyền số 01 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số CHV.BĐCN.668.170117/SĐBS-01 ngày 19/7/2017 được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Nghệ An ngày 19/7/2017, số công chứng 2275. Việc ký kết hợp đồng thế chấp là đúng quy định của pháp luật nên trường hợp nếu ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T không trả hoặc không trả đủ số nợ trên thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi

hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bán tài sản bảo đảm tiền vay để trả nợ.

[2.5]. Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Yêu cầu của Ngân hàng TMCP A được chấp nhận nên bị đơn là ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã nộp 3.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đã chi toàn bộ số tiền trên nên cần buộc ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng.

[2.6]. Về án phí: Ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền 184.904.703 đồng nên phải chịu án phí KDTM sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên cần trả lại số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 30, 35, 147, 155, 156, 157, 158, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 điều 4 Luật thương mại; Các điều 295, 299, 318, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Các điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A: Buộc ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền 184.904.703 đồng (Một trăm tám mươi tư triệu, chín trăm linh tư ngàn, bảy trăm linh ba đồng); Trong đó nợ gốc: 10.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 60.493.836 đồng; Lãi quá hạn: 108.285.658 đồng; Phạt chậm trả lãi: 6.125.210 đồng theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số CHV.CN.518.190717 ngày 20/7/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số CHV.CN.989.090120 ngày 14/01/2020; Phụ lục hợp đồng số CHV.CN.989.090120/PL01 ngày 14/01/2020; Khế ước nhận nợ số 300609149 ngày 14/01/2020; Khế ước nhận nợ số 300966639 ngày 17/01/2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Nếu ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T không trả hoặc không trả đủ số nợ trên thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bán tài sản bảo đảm tiền vay để trả nợ gồm: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 467, tờ bản đồ số 35, địa chỉ: Xóm 18, xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An được UBND thành phố Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 592187 ngày 01/11/2011 cho bà Lê Thị Hoài T, vào sổ cấp GCN số: CH 13324/số

8290-QĐUBND (2011). Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số CHV.BĐCN.668.170117 ngày 18/01/2017.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí: Buộc ông Trần Văn S và bà Lê Thị Hoài T phải chịu 9.245.000 đồng (Chín triệu, hai trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) án phí KDTM sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP A 38.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án thành phố Vinh theo BL số AA/2020/0001276 ngày 04/01/2021.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận:

- VKSND TP. Vinh
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu

Trần Huy Long

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa